

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05/2021/TB-TA ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu C1, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Khu dân cư 1, phường T2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu dân cư M1, phường H2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu C1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991 vào ngày 15 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2 - nay là phường H2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh T1 chung sống. Chị làm công nhân tại công ty còn anh T1 đi làm sơn cho các công trình. Thời gian đầu hàng tháng anh

T1 có đưa tiền cho chị để chi tiêu sinh hoạt gia đình nhưng đến đầu năm 2019 thì anh T1 không đưa tiền cho chị nữa và thường xuyên không về nhà. Qua tìm hiểu chị được biết anh T1 bị nghiện ma túy và đã nhiều lần nhìn thấy anh T1 cất giấu bơm kim tiêm trong túi quần áo. Chị có hỏi thì anh T1 cũng thừa nhận việc anh ấy bị nghiện và đang uống thuốc cai nghiện tại Trung tâm y tế thị xã Kinh Môn. Do anh T1 sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi sử dụng ma túy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về gia đình bố mẹ để sống ly thân với anh T1 từ tháng 10/2019 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Quan hệ về con chung và tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm của mình.

Tại biên bản xác minh ngày 09 và ngày 29/4/2021 chính quyền địa phương phường H2 cung cấp:

- Về việc giao các văn bản tố tụng của tòa án: UBND phường H2 đã nhận được công văn đề nghị kèm theo các văn bản tố tụng là Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh Nguyễn Văn T1, đề nghị UBND phường H2 tiến hành tổng đạt trực tiếp cho anh Nguyễn Văn T1. UBND phường đã tiến hành phân công đồng chí bưu tá xã xuống gia đình để giao cho anh Nguyễn Văn T1. Do anh T1 không có mặt ở nhà nên đồng chí bưu tá xã đã gặp ông L3 (bố đẻ anh T1) để giao nhưng ông L3 từ chối nhận các văn bản tố tụng nêu trên nên UBND phường không tiến hành giao các văn bản trên cho anh T1 và gia đình được.

- Về nơi cư trú của anh Nguyễn Văn T1: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu dân cư M1, phường H2. Hiện anh Nguyễn Văn T1 làm nghề sơn vắn sinh sống tại địa phương. Anh T1 là đối tượng nghiện ma túy đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường. Hiện anh T1 đang cai nghiện tự nguyện tại địa phương.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu C1 kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2016. Sau ngày cưới chị C1 về ngay gia đình anh T1 chung sống. Chị C1, anh T1 làm nghề lao động tự do tại địa phương. Quá trình chung sống do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Bên cạnh đó anh T1 là đối tượng nghiện ma túy, hiện đang phải uống thuốc Methadone tại Trung tâm y tế thị xã Kinh Môn. Do mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên chị C1 đã về gia đình bố mẹ để ở phường Thất Hùng sống ly thân với anh T1 từ khoảng cuối năm 2019

đến nay. Nay chị C1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1, quan điểm địa phương xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nguyên nhân anh Nguyễn Văn T1 không hợp tác giải quyết ly hôn tại Tòa án là do gia đình anh T1 theo công giáo.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu C1. Xử cho chị Bùi Thị Thu C1 ly hôn anh Nguyễn Văn T1. Chị Bùi Thị Thu C1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Chị Bùi Thị Thu C1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Nguyễn Văn T1 có Hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Khu dân cư M1, phường H2, thị xã Kinh Môn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, trong thời hạn quy định, Tòa án đã tiến hành Thông báo bằng văn bản và gửi cho anh Nguyễn Văn T1 thông qua UBND phường H2 nơi anh T1 cư trú. UBND phường H2 đã cử cán bộ bưu chính xuống gia đình anh T1 để giao trực tiếp Thông báo trên nhưng tại thời điểm đó anh T1 đi làm, không có mặt tại gia đình nên cán bộ bưu chính đã tiến hành giao cho ông L3 (bố đẻ anh T1) nhận thay nhưng ông L3 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Do không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố

tụng dân sự. Như vậy, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Chị Bùi Thị Thu C1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Bùi Thị Thu C1 kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 vào ngày 15 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H2 - nay là phường H2, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình anh Nguyễn Văn T1 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, anh Nguyễn Văn T1 là đối tượng nghiện ma túy, sống không có trách nhiệm với gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị C1 đã về gia đình bố mẹ đẻ tại Khu dân cư 1, phường T2 sống ly thân với anh T1 từ tháng 10/2019 đến nay. Chị C1, anh T1 đã không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau.

Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị C1, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị C1 được ly hôn anh T1.

[3]. Quan hệ về con chung, tài sản chung của vợ chồng: Chị Bùi Thị Thu C1 xác định vợ chồng không có con và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu C1. Xử cho chị Bùi Thị Thu C1 ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu C1 phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị C1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn theo biên lai số AA/2018/0004095 ngày 18/3/2021. Chị Bùi Thị Thu C1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường H2 (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Đức Huân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đức Huân